VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Số: 1920/QĐ-VHL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2018 (đợt điều chỉnh kinh phí tháng 10 năm 2018)

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN kinh phí đợt điều chỉnh tháng 10 năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Đình Công;
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC,PTH.

CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Châu Văn Minh

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018

(Đợt điều chỉnh kinh phí tháng 10 năm 2018)

(Kèm theo Quyết định số 1920 /QĐ-VHL ngày 31 / 10 /2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm					
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên	
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm
Tổng số được giao đến 25/10/2018:		**1.071.495,30**						
Tổng số đã thực hiện phân bổ 25/10/2018:		**1.071.495,30**						
Tổng kinh phí thực hiện điều chỉnh		**0,000**	**3.000,000**	**1.700,000**	**5.833,232**	**13.234,151**	**17.244,619**	**11.143,700**
1	Viện Toán học	**178,000**	0,000	0,000	148,000	0,000	30,000	0,000
2	Viện Công nghệ thông tin	**261,000**	0,000	0,000	261,000	0,000	0,000	0,000
3	Viện Cơ học	**457,500**	200,000	0,000	262,000	4,500	0,000	0,000
4	Viện Khoa học vật liệu	**1.361,600**	1.100,000	0,000	286,600	25,000	0,000	0,000
5	Viện Vật lý	**2.248,200**	1.400,000	0,000	248,200	0,000	600,000	0,000
6	Viện Hóa học	**319,600**	0,000	0,000	168,600	0,000	151,000	0,000
7	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	**186,400**	0,000	0,000	156,400	0,000	30,000	0,000
8	Viện Công nghệ Sinh học	**854,300**	0,000	500,000	370,300	0,000	984,000	0,000
9	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	**1.402,000**	150,000	0,000	0,000	0,000	1.252,000	0,000
10	Viện Địa lý	**231,600**	0,000	0,000	231,600	0,000	0,000	0,000
11	Viện Địa chất	**4.568,000**	150,000	400,000	153,000	0,000	4.665,000	0,000
12	Viện Vật lý địa cầu	**259,458**	0,000	0,000	259,458	0,000	0,000	0,000
13	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	**2.351,550**	0,000	0,000	240,050	0,000	2.111,500	0,000
14	Viện Cơ học và Tin học ứng dụng	**147,300**	0,000	0,000	147,300	0,000	0,000	0,000
15	Viện Công nghệ hóa học	**150,551**	0,000	0,000	150,551	0,000	0,000	0,000
16	Viện Sinh học nhiệt đới	**181,900**	0,000	0,000	181,900	0,000	0,000	0,000
17	Viện Hải dương học	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
18	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang	**112,200**	0,000	0,000	112,200	0,000	0,000	0,000
19	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	**-24,024**	0,000	0,000	121,100	145,124	0,000	0,000
20	Viện Vật lý Tp.HCM	**71,600**	0,000	0,000	71,600	0,000	0,000	0,000
21	Viện Địa lý tài nguyên Tp.HCM	**190,500**	0,000	0,000	160,500	0,000	30,000	0,000

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm					
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên	
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm
22	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	**24,100**	0,000	0,000	24,100	0,000	0,000	0,000
23	Viện Tài nguyên và môi trường biển	**135,300**	0,000	0,000	135,300	0,000	0,000	0,000
24	Viện Địa chất và Địa vật lý biển	**169,900**	0,000	0,000	169,900	0,000	0,000	0,000
25	Viện Vật lý ứng dụng và thiết bị khoa học	**44,800**	0,000	0,000	44,800	0,000	0,000	0,000
26	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	**451,900**	0,000	0,000	83,400	0,000	368,500	0,000
27	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	**-17.046,777**	0,000	800,000	281,700	13.059,527	2.959,750	6.428,700
28	Văn phòng đại diện tại Tp.HCM	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
29	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ	**156,473**	0,000	0,000	156,473	0,000	0,000	0,000
30	Viện Công nghệ môi trường	**153,100**	0,000	0,000	153,100	0,000	0,000	0,000
31	Viện Khoa học năng lượng	**1.287,600**	0,000	0,000	87,600	0,000	1.200,000	0,000
32	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ	**182,500**	0,000	0,000	182,500	0,000	0,000	0,000
33	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	**113,700**	0,000	0,000	113,700	0,000	0,000	0,000
34	Viện Công nghệ vũ trụ	**332,800**	0,000	0,000	112,800	0,000	220,000	0,000
35	Trung tâm Phát triển công nghệ cao	**155,300**	0,000	0,000	155,300	0,000	0,000	0,000
36	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	**-4.614,100**	0,000	0,000	50,900	0,000	0,000	4.665,000
37	Trung tâm Tin học và tính toán	**108,200**	0,000	0,000	38,200	0,000	120,000	50,000
38	Viện Hoá sinh biển	**120,500**	0,000	0,000	120,500	0,000	0,000	0,000
39	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	**103,700**	0,000	0,000	103,700	0,000	0,000	0,000
40	VP Chương trình Tây Nguyên 2016-2020	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
41	Viện Nghiên cứu hệ Gen	**183,700**	0,000	0,000	58,700	0,000	125,000	0,000
42	Viện Sinh thái học miền Nam	**30,200**	0,000	0,000	30,200	0,000	0,000	0,000
43	Học viện Khoa học và công nghệ	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
44	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra	**2.397,869**	0,000	0,000	0,000	0,000	2.397,869	0,000
45	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm					
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên	
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm
46	Ban Quản lý dự án xây dựng Đại học khoa học và công nghệ Hà Nội	**0,000**	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000